TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **414/**2022/HNGĐ-ST;
Ngày: 23/8/2022.
V/v tranh chấp"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2. Bà Lê Thị C Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Kim B, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị A có mặt; anh B vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày:*

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Lê Kim B tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Chợ Gạo. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân là do anh B ghen tuông vô cớ, thường xuyên cãi vả. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Nay không còn tình cảm nên chị A xin được ly hôn với anh Lê Kim B.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên Lê Thị Bích C sinh ngày 07/12/2003, Lê Thị Kiều D sinh ngày 30/8/2005, Lê Thị Trà E sinh ngày 05/3/2009 và Lê Thị Quỳnh G sinh ngày 11/9/2014. Khi nộp đơn khởi kiện chị A xin được nuôi cháu D, cháu E và cháu G, nay do các cháu đang sống với anh B nên khi ly hôn chị A xin nhường quyền nuôi cháu D, cháu E và cháu G cho anh B, chị không cấp dưỡng nuôi con. Cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Kim B mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và các lời trình bày của mình.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy Hăng. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung tên Lê Thị Kiều D sinh ngày 30/8/2005, Lê Thị Trà E sinh ngày 05/3/2009 và Lê Thị Quỳnh G sinh ngày 11/9/2014 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị A không cấp dưỡng nuôi con.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu ly hôn với anh Lê Kim B nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Lê Kim B cư trú tại ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lê Kim B đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị A và anh B cưới nhau năm 2003, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị A xin ly hôn với anh B với lý do anh B hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên cãi vả nên anh chị đã ly thân từ năm 2021. Tại phiên tòa chị A vẫn cương quyết xin ly hôn với anh B. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắng mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho thấy anh B không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa hai người. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã trầm trọng không thể hàn gắng được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên Lê Thị Bích C sinh ngày 07/12/2003, Lê Thị Kiều D sinh ngày 30/8/2005, Lê Thị Trà E sinh ngày 05/3/2009 và Lê Thị Quỳnh G sinh ngày 11/9/2014. Cháu C đã trưởng thành và lao động được, chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời trình bày của chị A xin nhường quyền nuôi cháu D, cháu E và cháu G cho anh B là có cơ sở vì cháu D, cháu E và cháu G đang sống với anh B đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu muốn được sống với anh B. Phía anh B không có ý kiến phản đối và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D, cháu E và cháu G cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: chị A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy A.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với anh Lê Kim B.

Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Thị Kiều D sinh ngày 30/8/2005, Lê Thị Trà E sinh ngày 05/3/2009 và Lê Thị Quỳnh G sinh ngày 11/9/2014 cho anh Lê Kim B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D, cháu E, cháu G đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Thúy A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0024759 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, do vậy chị A đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thủy Uyên